

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 103/2026/TLST-DS ngày 02/3/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1965;

2. Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1965;

Cùng nơi cư trú: **Số C, ấp K, xã G, tỉnh Vĩnh Long.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Yên N**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Số B, ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.**

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1975.

2. Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1978.

Cùng nơi cư trú: **Số A, ấp K, xã G, tỉnh Vĩnh Long.**

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Hủy bỏ “Tờ hợp đồng sang nhượng đất nền” ngày 13/8/2023 giữa ông **Trần Văn T**, bà **Hồ Thị H** với ông **Trần Văn H1**, bà **Trần Thị T2** đối với thửa đất 138, tờ bản đồ số 33, (thửa mới là thửa 142 và thửa 143, cùng tờ bản đồ số 113), tọa lạc tại **xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Bến Tre).**

Buộc ông **Trần Văn H1** và bà **Lê Thị T1** có trách nhiệm liên đới trả cho ông **Trần Văn T**, bà **Hồ Thị H** số tiền là 650.000.000 (Sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấm dứt thỏa thuận vay tiền theo “Tờ hợp đồng mượn tiền” ngày 15/9/2022 (AL) giữa ông **Trần Văn T**, bà **Hồ Thị H** với ông **Trần Văn H1**, bà **Trần Thị T2**.

Buộc ông **Trần Văn H1** và bà **Lê Thị T1** có trách nhiệm liên đới trả cho ông **Trần Văn T**, bà **Hồ Thị H** số tiền vốn vay là 86.000.000 (**T3** mươi sáu triệu) đồng cùng lãi suất theo mức lãi suất 20%/1 năm được tính kể từ ngày 01/5/2026 đến khi ông **H1**, bà **T1** trả tất nợ cho ông **T**, bà **H**.

3. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu 50%: Ông **Trần Văn H1** và bà **Lê Thị Thanh C** án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy bỏ hợp đồng 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí có giá ngạch (đối với tổng tiền phải trả cho ông **T**, bà **H**) là 16.720.000 (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng. Tổng cộng, ông **H1**, bà **T1** phải nộp số tiền án phí là 16.870.000 (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền